

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 36/CV.AM ngày 26 tháng 08 năm 2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ (sau đây viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại lô A2 – A3, Cụm công nghiệp Phú Hòa, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu An Mỹ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu An Mỹ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A2 – A3, Cụm công nghiệp Phú Hòa, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 1600903460 ngày 23 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 3 năm 2021 do phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1600903460.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở có tổng diện tích 43.086 m² tại Lô A2 – A3, Cụm công nghiệp Phú Hòa, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Quy mô, công suất của cơ sở: 60 tấn nguyên liệu/ngày (45 tấn sản phẩm/ngày, tương đương 10.800 tấn sản phẩm/năm).

- Tổng mức vốn đầu tư của cơ sở là 164.748.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng*) có tiêu chí như dự án nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện Thoại Sơn, UBND thị trấn Phú Hoà) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 11 tháng 9 năm 2024 đến ngày 11 tháng 9 năm 2031).

Các giấy phép môi trường thành phần theo quy định hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- UBND huyện Thoại Sơn;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng QLMT, Thanh tra Sở; Phòng QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Phú Hoà;
- Lưu: VT.

[Handwritten mark]

GIÁM ĐỐC



Thái Minh Hiền

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân sản xuất gián tiếp và công nhân sản xuất trực tiếp) phát sinh tại nhà làm việc (văn phòng) và phân xưởng I.
- Nguồn số 02: Nước thải từ trạm cấp nước phát sinh từ việc xúc rửa bồn.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động chế biến thủy sản, vệ sinh phân xưởng.
- Nguồn số 04: Nước thải làm mát thiết bị, máy móc được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy được thoát ra cống chung Cụm công nghiệp Phú Hòa, sau đó thoát ra kênh Rạch Giá – Long Xuyên.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Phú Hòa. Sau đó theo cống bê tông Ø1200 được âm dưới lòng đất tự chảy ra nguồn tiếp nhận là Kênh Rạch Giá – Long Xuyên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại điểm xả nước thải là hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Phú Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1145898; Y = 0568165 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 600 m³/ngày đêm, tương đương 25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Phương thức xả thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý được dẫn vào hồ ga thoát nước thải bằng ống nhựa PVC Ø220, dài 4m tự chảy vào vị trí đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Phú Hòa. Sau đó theo cống bê tông Ø1200 được âm dưới lòng đất tự chảy ra nguồn tiếp nhận là Kênh Rạch Giá – Long Xuyên.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày. ✓



- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:*

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		6 – 9	03 tháng/lần	Chưa lắp đặt
2	COD	mg/l	67,5		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45		
4	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	9		
5	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/l	27		Không thuộc đối tượng
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	27		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	9		
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	9		
9	Clo dư	mg/l	0,9		
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh:

+ Nước thải chứa phân, tiểu được thu gom theo các đường ống PVC Ø90 về hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC Ø90 tập trung về hố ga (0,5 m x 0,5 m x 0,5 m). Nước thải từ hố ga theo đường ống PVC Ø114, dài 35m dẫn về mương hồ (dài 50 m x rộng 0,5 m x sâu 01 m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải rửa sàn nhà vệ sinh, rửa tay, tắm,... và được thu gom bằng các đường ống PVC Ø90 dẫn trực tiếp về các hố ga thu nước thải (kích thước 0,5 m x 0,5 m x 0,5 m), rồi cùng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3

ngăn theo đường ống PVC Ø114, dài 35 m dẫn về mương hở (dài 50 m x rộng 0,5 m x sâu 01 m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ trạm cấp nước: Theo đường ống PVC Ø114, dài 63 m tập trung về hố ga (0,5 m x 0,5 m x 0,5 m). Nước thải từ hố ga theo đường ống PVC Ø114, dài 35 m dẫn về mương hở (dài 50 m x rộng 0,5 m x sâu 01 m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Theo đường ống PVC Ø300 thải trực tiếp mương hở (dài 50 m x rộng 0,5 m x sâu 01 m) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải làm mát thiết bị, máy móc: Được tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ:

- *Bể tự hoại 03 ngăn*: 02 bể tự hoại gồm: 01 bể tự hoại tại khu văn phòng và 01 bể tự hoại tại khu nhà xưởng.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn 1 → Ngăn 2 → Ngăn 3 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (sinh hoạt và sản xuất) → Mương dẫn nước thải → Song chắn rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi (mỡ từ bể tuyển nổi sẽ được đưa qua túi HPDE) → Bể Aeroten → Bể lắng → Bể chứa → Thiết bị lọc thô → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày đêm .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine 78 kg/tháng, PAC 325 kg/tháng, Polyme Anion 6 kg/tháng, sử dụng để xử lý hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng. Chủ cơ sở phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo đúng quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

1.4.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục; Tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống định kỳ. ✍



- Khi xảy ra sự cố, cơ sở sẽ ngưng việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; Tiến hành sửa chữa và đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành trong thời gian sớm nhất.

- Trong trường hợp có sự cố xảy ra thì nước thải sẽ được lưu chứa trong bể sự cố (thể tích 192,24 m³) và bể điều hòa (thể tích 293,365 m³) trong thời gian chờ khắc phục sự cố. Tiếp theo lập tức kiểm tra sự cố xảy ra ở khu vực nào, tiến hành sửa chữa và thay mới không để sự cố xảy ra quá 19 giờ. Sau khi khắc phục sự cố nước thải được xử lý theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Đối với túi HPDE:

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng xung quanh túi HPDE, dọn vệ sinh xung quanh để tránh dễ quan sát kiểm tra theo dõi.

- Có thiết bị chắn lọc các vật cứng nhọn từ bể tuyển nổi qua túi HPDE để tránh làm rách túi.

- Định kỳ 10 năm/lần cơ sở sẽ kiểm tra và thay mới túi HPDE để đạt hiệu quả xử lý cao nhất.

- Khi túi HPDE bị hư, rách hoặc đầy cơ sở sẽ ngưng sản xuất. Khoanh vùng khu vực nước thải chảy tràn để có biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời tiến hành sửa chữa túi HPDE. Trong thời gian chờ khắc phục sự cố, nước thải trong túi HPDE sẽ được lưu chứa trong bể sự cố (thể tích 192,24 m³) và bể điều hòa (thể tích 293,365 m³), mỡ trong túi HPDE sẽ được thu gom vào thùng loại 120 lít, có nắp đậy để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian dự kiến là 03 tháng (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào trước hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (theo đề xuất của Chủ cơ sở):

+ Nước thải đầu vào trước hệ thống xử lý nước thải tập trung: 01 mẫu tổ hợp. *

- + Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung: 01 mẫu tổ hợp.
- + Thời gian lấy mẫu 01 ngày dự kiến từ ngày 06 tháng 10 năm 2024.
- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá:
 - + 01 mẫu đơn đối với nước thải đầu vào, trước xử lý.
 - + 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp đối với nước thải đầu ra, sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.
- + Thời gian lấy mẫu 03 ngày liên tiếp dự kiến từ ngày 10 tháng 11 năm 2024 đến ngày 12 năm 11 năm 2024.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Đảm bảo hoạt động hiệu quả các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải theo quy định.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải.
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải tổng hợp số liệu, kết quả quan trắc, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
- Trong quá trình xả nước thải sau xử lý vào hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Phú Hòa nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hoà và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 296/GP-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: Trong cơ sở tại Cụm công nghiệp Phú Hòa, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 1145834; Y = 0568010, (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: khoảng 7.220 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả khí thải: Không thường xuyên.

- Thời gian xả khí thải: Xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, với hệ số $K_p=1,0$; $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không	Không
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị

quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải của máy phát điện dự phòng:

- Quy trình công nghệ: Khí thải máy phát điện → Ống khói thải.

- Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Phải đảm bảo giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên, nhiên liệu và hoạt động của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hoà và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 296/GP-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: Từ các máy móc, thiết bị làm lạnh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong cơ sở, Cụm công nghiệp Phú Hòa, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 1040 45', múi chiếu 3⁰) như sau:

- Nguồn số 1: X = 1145834; Y = 0568010.
- Nguồn số 2: X = 1145823; Y = 0568002.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung:
 - + Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý. Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị kiểm tra.

+ Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết; kiểm tra độ mài mòn chi tiết và bảo dưỡng máy móc định kỳ, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn sử dụng. *✍*

+ Kiểm tra và thay thế hoặc bổ sung một số đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng.

+ Che chắn xung quanh khu vực máy phát điện dự phòng nhằm giảm thiểu ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại cơ sở.

+ Trồng cây xanh quanh khuôn viên nhà máy để làm khuếch tán âm thanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 05	18
2	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	22
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	8
4	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	50
5	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	126
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	7
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	31

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao bì các loại khoảng 10.848 kg/năm; phụ phẩm cá khoảng 4.332.141 kg/năm. *h*



- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được hoàn lưu trong hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp có phát sinh bùn dư sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hầm tự hoại khoảng 183 kg/tháng. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút đi xử lý theo đúng quy định.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 175 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa loại 120L, mỗi thùng chứa đều ghi nhãn, ghi mã số từng loại chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. *Kho lưu chứa:*

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Thiết kế dạng kho, nền tráng xi măng lót gạch (có xây dựng gờ xung quanh kho), vách tole, mái lợp tole, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Bao bì các loại:* Lưu chứa tại nơi tập kết phế liệu và định kỳ chuyển giao 02 tuần/lần.

2.2.2. *Phụ phẩm cá:* Bán lại cho các nhà máy chế biến thức ăn hàng ngày không trữ lại.

2.2.3. *Bùn thải từ hầm tự hoại:* chứa trong bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 06 thùng loại 120 lít.

2.3.2. *Điểm tập kết rác sinh hoạt:* Hằng ngày chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của Xí nghiệp môi trường đô thị huyện Thoại Sơn.


B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Chủ cơ sở có trách nhiệm thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý các chất thải rắn phát sinh tại cơ sở: chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn thải từ hầm tự hoại, bùn thải từ hoạt động nạo vét, khơi thông hệ thống

cống rãnh, thu gom nước thải đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./. 





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 396/GP-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án mà chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường gồm: Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo đúng quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

theo quy định của pháp luật.

5. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và kỹ thuật của các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý liên quan đến phạm vi, diện tích của cơ sở theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Có phương án kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải và tại khu vực chứa bùn, đảm bảo không để ảnh hưởng đến người dân.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.